**Tên của từng sở/ban/ngành/huyện………………**

**Phụ lục 5**

**DANH MỤC TÀI LIỆU, SỐ LIỆU MINH CHỨNG CỦA SỞ, BAN, NGÀNH, HUYỆN**

**PHỤC VỤ ĐÁNH GIÁ CÔNG TÁC PCTN NĂM 2022**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **A. TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ VIỆC LÃNH ĐẠO, CHỈ ĐẠO, XÂY DỰNG VÀ HOÀN THIỆN CHÍNH SÁCH, PHÁP LUẬT VỀ PCTN** | **TÀI LIỆU, SỐ LIỆU MINH CHỨNG**  *(Ghi rõ số, ngày tháng năm, trích yếu nội dung văn bản ban hành theo các mục tương ứng bên cột trái)* | **Ghi chú**  **(Đường dẫn tài liệu**  **đăng tải trên Trang TTĐT)** |
| **A.2. Đánh giá việc tổ chức thực hiện:** |  |  |
| A.2.1. Thực hiện công tác xây dựng và hoàn thiện chính sách pháp luật về PCTN | DNNN, Đơn vị sự nghiệp công lập không liệt kê mục này |  |
| *A.2.1.1. Ban hành kế hoạch* | *Kế hoạch số… ngày… về …* |  |
| *A.2.1.2. Kết quả thực hiện* | *Báo cáo số… ngày … về* |  |
| A.2.2. Thực hiện kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật về PCTN | DNNN, Đơn vị sự nghiệp công lập không liệt kê mục này |  |
| *A.2.2.1. Ban hành kế hoạch* | *Kế hoạch số… ngày… về …* |  |
| *A.2.2.2. Kết quả thực hiện* | *Báo cáo số… ngày … về* |  |
| A.2.3. Thực hiện công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về PCTN. |  |  |
| *A.2.3.1. Ban hành kế hoạch* | *Kế hoạch số… ngày… về …* |  |
| *A.2.3.2. Kết quả thực hiện* | *Báo cáo số… ngày … về* |  |
| A.2.4. Thực hiện kiểm tra và theo dõi thi hành văn bản quy phạm pháp luật về PCTN | DNNN, Đơn vị sự nghiệp công lập không liệt kê mục này  *Báo cáo số… ngày … về* |  |
| A.2.5.2. Việc chỉ đạo của Chủ tịch UBND cấp tỉnh xử lý tố cáo, kiến nghị, phản ánh của công dân về tham nhũng; kiến nghị, đề nghị bảo vệ người tố cáo tham nhũng. | *Liệt kê các Văn bản tham mưu Chủ tịch UBND tỉnh chỉ đạo giải quyết, xử lý tố cáo, kiến nghị, phản ánh của công dân về tham nhũng; kiến nghị, đề nghị bảo vệ người tố cáo tham nhũng:……* |  |
| **B. TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ VIỆC THỰC HIỆN CÁC BIỆN PHÁP PHÒNG NGỪA THAM NHŨNG** |  |  |
| **B.1. Công tác phòng ngừa tham nhũng trong cơ quan, tổ chức, đơn vị khu vực Nhà nước** |  |  |
| B.1.1. Kết quả thực hiện công khai, minh bạch theo quy định tại Điều 10 của Luật PCTN 2018 | Báo cáo công khai, minh bạch 6 tháng, năm 2022 |  |
| B.1.2. Kết quả cải cách hành chính (PAR năm 2022) | Cơ quan, đơn vị không liệt kê mục này |  |
| B.1.3. Kết quả chuyển đổi số cấp tỉnh (DTI năm 2022) | Cơ quan, đơn vị không liệt kê mục này |  |
| B.1.4. Kết quả thực Đề án phát triển thanh toán không dùng tiền mặt tại Việt Nam giai đoạn 2021-2025 | Cơ quan, đơn vị không liệt kê mục này |  |
| B.1.5. Kết quả việc thực hiện định mức, chế độ, tiêu chuẩn (ĐM, CĐ, TC) |  |  |
| *B.1.5.1. Việc ban hành kế hoạch* | *- Kế hoạch tự kiểm tra ĐM, TC, CĐ tại đơn vị;*  *- Kế hoạch PCTN (mục … về kiểm tra việc thực hiện ĐM, TC, CĐ);*  *- KH thanh tra, kiểm tra năm 2022;*  *- Kế hoạch thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; cải cách hành chính;*  *- Kế hoạch kiểm tra, giám sát của Chi bộ, công đoàn, Ban thanh tra nhân dân;*  *…* |  |
| *B.1.5.2. Kết quả thực hiện* | *- Liệt kê các báo cáo, kết luận của các nội dung mục B.1.5.1* |  |
| B.1.6. Kết quả kiểm soát xung đột lợi ích *(XĐLI)* |  |  |
| *B.1.6.1. Việc ban hành kế hoạch* | *- Kế hoạch PCTN (mục … về rà soát XĐLI);*  *- VB triển khai VB số 3397/UBND-NC ngày 10/10/2022 của UBND tỉnh V/v nâng cao hiệu quả công tác PCTN, tiêu cực trên địa bàn tỉnh; VB 671/TTr-NV3 ngày 13/10/2022 của Thanh tra tỉnh;*  *- VB liên quan đến XĐLI…* |  |
| *B.1.6.2. Kết quả thực hiện* | *- Báo cáo các nội dung mục B.1.6.1* |  |
| *B.1.6.3. Kết quả giải quyết XĐLI* | *Liệt kê các vụ việc XĐLI đã được giải quyết năm 2022* |  |
| B.1.7. Kết quả việc chuyển đổi vị trí công tác của CB, CC, VC |  |  |
| *B.1.7.1. Việc ban hành kế hoạch* | *Kế hoạch số… ngày… về …* |  |
| *B.1.7.2. Kết quả thực hiện* | *Báo cáo số… ngày … về* |  |
| B.1.8. Kết quả thực hiện quy tắc ứng xử | *Báo cáo số… ngày … về* |  |
| B.1.9. Kết quả kiểm soát tài sản, thu nhập (TSTN) |  |  |
| *B.1.9.1. Ban hành kế hoạch kê khai, công khai bản kê khai TSTN.* | *Kế hoạch số… ngày… về …* |  |
| *B.1.9.2. Kết quả kê khai, công khai bản kê khai TSTN* | *Báo cáo số… ngày … về* |  |
| *B.1.9.3. Việc ban hành, phê duyệt kế hoạch xác minh TSTN* | Cơ quan, đơn vị không liệt kê mục này |  |
| *B.1.9.4. Kết quả xác minh TSTN* | *Kết luận xác minh TSTN* |  |
| B.1.10. Kết quả thực hiện Chỉ thị 10/TTg ngày 22/4/2019 của TTg CP Về việc tăng cường xử lý, ngăn chặn có hiệu quả tình trạng nhũng nhiễu, gây phiền hà cho người dân, doanh nghiệp trong giải quyết công việc (Chỉ thị 10) |  |  |
| *B.1.10.1. Kế hoạch triển khai thực hiện Chỉ thị 10 năm 2022* | *KH số … ngày … về* |  |
| *B.1.10.2. Việc tiếp nhận, xử lý kiến nghị, phản ánh về tình trạng nhũng nhiễu, gây phiền hà cho người dân, doanh nghiệp trong giải quyết công việc* | *-Văn bản về việc trả lời phản ánh, kiến nghị của doanh nghiệp, đầu tư tại Hội nghị đối thoại với doanh nghiệp;*  *- Tiếp nhận phản ánh trong giải quyết TTHC*  *- Chuyên mục giải đáp thắc mắc của người dân trên Đài PTTH, Trang TTĐT;*  *…* |  |
| *B.1.10.3. Kết quả xử lý vi phạm Chỉ thị 10* | *Liệt kê các cá nhân bị xử lý vi phạm* |  |
| **B.2. Công tác phòng ngừa tham nhũng trong doanh nghiệp, tổ chức khu vực ngoài Nhà nước**  Bao gồm: (1) Công ty đại chúng, (2) tổ chức tín dụng và (3) tổ chức XH do Chủ tịch UBND cấp tỉnh quyết định thành lập hoặc phê duyệt điều lệ có huy động khoản đóng góp của Nhân dân để hoạt động từ thiện trên địa bàn tỉnh. | *Các tổ chức khu vực ngoài nhà nước:*  *1. Công ty Cổ phần Sản xuất và Cung ứng Vật liệu xây dựng Kon Tum*  *2. Công ty Cổ phần Đường Kon Tum*  *3. Công ty Cổ phần Đầu tư năng lượng Trường Thịnh*  *4. Hội Chữ thập đỏ tỉnh*  *5. Quỹ Nạn nhân chất độc da cam/dioxin tỉnh Kon Tum*  *6. Quỹ Bảo trợ Nạn nhân chất độc da cam do chiến tranh ở Việt Nam tỉnh Kon Tum*  *7. Quỹ An ninh trật tự tỉnh Kon Tum*  *8. Quỹ Hỗ trợ trẻ em và người khuyết tật nghèo tỉnh Kon Tum*  *9. Quỹ Đền ơn đáp nghĩa*  *10. Quỹ Bảo trợ trẻ em*  *11. Quỹ Phòng chống thiên tai*  *12. Quỹ khám chữa bệnh cho người nghèo* |  |
| B.2.1. UBND cấp tỉnh ban hành văn bản hướng dẫn, đôn đốc thực hiện công tác phòng ngừa tham nhũng trong doanh nghiệp, tổ chức khu vực ngoài Nhà nước | Cơ quan, đơn vị không liệt kê mục này |  |
| B.2.2. Kết quả Thanh tra việc thực hiện pháp luật PCTN đối với doanh nghiệp, tổ chức khu vực ngoài Nhà nước | Quyết định, báo cáo, kết luận thanh tra, kiểm tra |  |
| **C. TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ VIỆC PHÁT HIỆN VÀ XỬ LÝ THAM NHŨNG** |  |  |
| **C.1. Việc phát hiện hành vi tham nhũng** |  |  |
| C.1.1. Kết quả phát hiện hành vi tham nhũng qua kiểm tra, thanh tra, giám sát. | Liệt kê cụ thể các cuộc kiểm tra phát hiện hành vi có dấu hiệu TN.  - Liệt kê cụ thể các cuộc thanh tra phát hiện hành vi có dấu hiệu TN.  - Liệt kê cụ thể các cuộc giám sát phát hiện hành vi có dấu hiệu TN.  - Báo cáo kết quả giám sát năm 2022.  - Báo cáo kết quả thanh tra, kiểm tra năm 2022. |  |
| C.1.2. Kết quả phát hiện hành vi tham nhũng qua phản ánh, tố cáo | - Liệt kê cụ thể các tin phản ánh phát hiện hành vi có dấu hiệu TN.  - Liệt kê cụ thể các cuộc giải quyết tố cáo phát hiện hành vi có dấu hiệu TN (*Sở TNMT có 01 vụ chuyển cơ quan điều tra*)  - Báo cáo kết quả công tác xử lý tin phản ánh, giải quyết đơn tố cáo năm 2022. |  |
| C.1.3. Kết quả phát hiện hành vi tham nhũng qua điều tra, truy tố, xét xử |  |  |
| **C.2. Việc xử lý tham nhũng** | *- Các cơ quan, đơn vị, địa phương căn cứ các vụ án phát hiện tại cơ quan, đơn vị để báo cáo.*  *- Các đơn vị: Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Ia H’Drai, UBND huyện Ngọc Hồi, UBND huyện Kon Plong, UBND huyện Đăk Glei: báo cáo cụ thể kết quả xử lý kỷ luật các tổ chức, cá nhân liên quan đến các vụ án tham nhũng phát hiện, xử lý trong năm 2022 ở cuối trang, nêu lý do chưa xử lý theo quy định.* |  |
| C.2.1. Kết quả xử lý kỷ luật đối với tổ chức, cá nhân do để xảy ra TN |  |  |
| *C.2.1.1. Kết quả xử lý kỷ luật về đảng, xử phạt hành chính đối với tổ chức do để xảy ra tham nhũng.* | *- Liệt kê các tổ chức đã bị xử lý kỷ luật về đảng, xủa phạt hành chính do để xảy ra TN;*  *- Các văn bản xử lý kỷ luật, xử phạt HC*  *- Danh sách các tổ chức để xảy ra tham nhũng.* |  |
| *C.2.1.2. Kết quả xử lý kỷ luật hành chính đối với cá nhân có hành vi TN* | *- Liệt kê danh sách người có hành vi TN bị xử lý KL hành chính.*  *- Liệt kê danh sách người có hành vi TN đã phát hiện.*  *- Các văn bản xử lý kỷ luật hành chính.* |  |
| C.2.2. Kết quả xử lý hình sự người có hành vi tham nhũng |  |  |
| *C.2.2.1. Kết quả xử lý qua điều tra* |  |  |
| *C.2.2.2. Kết quả xử lý qua truy tố* |  |  |
| *C.2.2.3. Kết quả xử lý qua xét xử* |  |  |
| C.2.3. Kết quả xử lý trách nhiệm của người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị căn cứ vào mức độ của vụ việc tham nhũng. | *- Liệt kê các cơ quan đã xử lý khiển trách, cảnh cáo, cách chức Người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu để xảy ra vụ việc tham nhũng trong cơ quan, tổ chức, đơn vị.*  *- Liệt kê các cơ quan, tổ chức, đơn vị để xảy ra vụ việc tham nhũng ít nghiêm trọng, rất nghiêm trọng, đặc biệt nghiêm trọng.*  *- Liệt kê danh sách Người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu để xảy ra vụ việc tham nhũng trong cơ quan, tổ chức, đơn vị bị xử lý, quyết định xử lý.*  *- Các quyết định xử lý kỷ luật Người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu để xảy ra vụ việc tham nhũng.* |  |
| *C.2.3.1. Hình thức khiển trách*  *Người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu*  *cơ quan, tổ chức, đơn vị* *để xảy ra vụ việc tham nhũng ít nghiêm trọng (là vụ việc mà người có hành vi tham nhũng chưa đến mức bị xử lý hình sự hoặc bị xử lý hình sự bằng hình thức phạt tiền, phạt cải tạo không giam giữ hoặc phạt tù đến 03 năm)* |  |
| *C.2.3.2. Hình thức cảnh cáo*  *Người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị để xảy ra vụ việc tham nhũng nghiêm trọng (là vụ việc mà người có hành vi tham nhũng bị xử lý bằng hình thức phạt tù từ trên 03 năm đến 07 năm)* |  |
| *C.2.3.3. Hình thức cách chức*  *Người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị để xảy ra vụ việc tham nhũng rất nghiêm trọng (là vụ việc mà người có hành vi tham nhũng bị xử lý bằng hình thức phạt tù từ trên 07 năm đến 15 năm) hoặc đặc biệt nghiêm trọng (là vụ việc mà người có hành vi tham nhũng bị xử lý bằng hình thức phạt tù từ trên 15 năm đến 20 năm, tù chung thân hoặc tử hình)* |  |
| **C.3. Kết quả xử lý hành vi khác vi phạm pháp luật về PCTN** | **- Liệt kê cụ thể các cá nhân bị xử lý vi phạm.**  **- Quyết định xử lý.**  **- Liệt kê các cá nhân vi phạm** |  |
| C.3.1. Kết quả xử lý vi phạm trong thực hiện công khai minh bạch trong hoạt động của cơ quan, tổ chức đơn vị (Điều 81 – Nghị định 59/2019/NĐ-CP) |  |  |
| C.3.2. Kết quả xử lý vi phạm quy định về chế độ, định mức, tiêu chuẩn (Điều 82 – Nghị định 59/2019/NĐ-CP) |  |  |
| C.3.3. Kết quả xử lý vi phạm quy tắc ứng xử của người có chức vụ, quyền hạn trong cơ quan, tổ chức, đơn vị (Điều 83 – Nghị định 59/2019/NĐ-CP) |  |  |
| C.3.4. Kết quả xử lý vi phạm quy định về xung đột lợi ích (Điều 84 – Nghị định 59/2019/NĐ-CP) |  |  |
| C.3.5. Kết quả xử lý vi phạm quy định về chuyển đổi vị trí công tác |  |  |
| C.3.6. Kết quả xử lý vi phạm quy định về báo cáo, xử lý báo cáo về hành vi tham nhũng (Điều 85 – Nghị định 59/2019/NĐ-CP) |  |  |
| C.3.7. Kết quả xử lý hành vi vi phạm đối với người kê khai TSTN và xử lý hành vi vi phạm khác trong kiểm soát TSTN (Điều 20, 21 – Nghị định 130/2020/NĐ-CP) |  |  |
| **D. TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ VIỆC THU HỒI TIỀN, TÀI SẢN THAM NHŨNG** |  |  |
| **D.1. Kết quả thu hồi tiền, tài sản tham nhũng qua công tác kiểm tra, giám sát, thanh tra, giải quyết đơn tố cáo, phản ánh** |  |  |
| D.1.1. Kết quả thu hồi tiền, tài sản tham nhũng qua công tác kiểm tra, giám sát, thanh tra |  |  |
| D.1.2. Kết quả thu hồi tiền, tài sản tham nhũng qua công tác giải quyết đơn tố cáo, phản ánh |  |  |
| **D.2. Kết quả thu hồi tiền, tài sản tham nhũng qua công tác điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án** |  |  |
| D.2.1. Kết quả thu hồi tiền, tài sản tham nhũng qua công tác điều tra, truy tố, xét xử |  |  |
| D.2.2. Kết quả thu hồi tiền, tài sản tham nhũng qua công tác thi hành án |  |  |

**\* Ghi chú:**

**1. Các vụ tham nhũng được phát hiện, xử lý trong năm 2022** (***Theo Báo cáo số 422/BC-UBND ngày 20/12/2022 của UBND tỉnh về công tác PCTN năm 2022*):**

(1). Vụ việc có dấu hiệu vi phạm pháp luật, tại Dự án khai thác quỹ đất Khu biệt thự phía Bắc trung tâm huyện Kon Plông.

(2). Vụ việc bán đấu giá tài sản không đúng quy định và buông lỏng quản lý đất đai tại Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Ia H'Drai.

(3). Vụ việc giao đất, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của Ủy ban nhân dân huyện Kon Plông

(4). Vụ án “Lợi dụng chức vụ quyền hạn trong khi hành công vụ” xảy ra tại Ủy ban nhân dân xã Đăk Long (nay là Thị trấn Măng Đen), huyện Kon Plông.

(5). Vụ án “Tham ô tài sản” xảy ra tại Nông trường 1, Công ty cổ phần đầu tư phát triển Duy Tân.

(6). Vụ án “Lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản” xảy ra tại Ủy ban nhân dân xã Đăk Môn, huyện Đăk Glei.

(7). Vụ án “Nhận hối lộ” tại Chi cục thuế khu vực số 2: Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an huyện Đăk Tô đã khởi tố vụ án, khởi tố 01 bị can là cán bộ Chi cục thuế số 2 - huyện Đăk Tô.

(8). Vụ án tại Quỹ tín dụng nhân dân (QTDND) Quyết Thắng.

(9). Vụ “Lợi dụng chức vụ quyền hạn trong khi hành công vụ” xảy ra tại Trung tâm dịch vụ nông nghiệp huyện Kon Plông.

(10). Vụ “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản và giả mạo trong công tác” xảy ra tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Ngọc Hồi, tỉnh Kon Tum.

(11). Vụ “Nhận hối lộ” xảy ra tại tại Tòa án nhân dân thành phố Kon Tum.

**2.** Các đơn vị sự nghiệp công lập, doanh nghiệp nhà nước (DNNN): gửi kèm thêm quyết định thành lập, quy định về chức năng, nhiệm vụ.

**3.** Các sở, ban ngành, đơn vị, UBND huyện, thành phố, DNNN: nghiên cứu, thu thập đầy đủ các số liệu, tài liệu minh chứng. Mỗi nội dung thiếu hoặc không có tài liệu minh chứng sẽ ảnh hưởng tới điểm đánh giá PCTN của tỉnh. Các tài liệu minh chứng không được công khai trên Trang TTĐT phải được tập hợp gửi về Thanh tra tỉnh cùng với báo cáo tự đánh giá (*đặt tên văn bản theo cú pháp số VB.đơn vị ban hành.tóm tắt nội dung VB*).

**4.** Phụ lục này được gửi kèm theo báo cáo đánh giá công tác PCTN năm 2022 của tỉnh, do đó các đơn vị cần kiểm tra kỹ trước khi gửi.